

DANH SÁCH CHI TRẢ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG

S T T	Họ và tên	Số số lĩnh tiền	Tiền trợ cấp tháng này	Chưa trả tháng trước		Tổng số tiền trợ cấp
				Số tháng	Số tiền	
Tổng cộng			474,539,000			474,539,000
TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%			221,545,000		0	221,545,000
1	Âu Văn Thành	00/21%	1,878,000			1,878,000
2	Lưu Minh Ấn	05288/21%	1,878,000			1,878,000
3	Trần Văn Đức	00/21%	1,878,000			1,878,000
4	Nguyễn Văn Đém	03355/21%	1,878,000			1,878,000
5	Trần Văn Cảnh	00/21%	1,878,000			1,878,000
6	Võ Văn Tình	01859/21%	1,878,000			1,878,000
7	Trần Văn Nhiều	05535/21%	1,878,000			1,878,000
8	Ngô Văn Phục	01218/21%	1,878,000			1,878,000
9	Lưu Minh Quang	0662/21%	1,878,000			1,878,000
10	Ngô (minh) Công Đoàn	828/25%	2,236,000			2,236,000
11	Nguyễn Văn Tám	08268/25%	2,236,000			2,236,000
12	Nguyễn Văn Sang	07193/26%	2,323,000			2,323,000
13	Lê Thành Trung	0883/27%	2,411,000			2,411,000
14	Hồ Thanh Hùng	03055/21%	1,878,000			1,878,000
15	Lâm Minh Quang	05665/21%	1,878,000			1,878,000
16	Huỳnh Văn Điều	03202/31%	2,770,000			2,770,000
17	Ngô Văn Mười	03127/31%	2,770,000			2,770,000
18	Hồ Minh Thích	00/21%	1,878,000			1,878,000
19	Trần Thanh Phong	9125-21%	1,878,000			1,878,000
20	Danh Vây	9240/29%	2,589,000			2,589,000
21	Lê (văn) Minh Hải	7583/33%	2,950,000			2,950,000
22	Nguyễn Văn Ngoạn	00/37%	3,304,000			3,304,000
23	Nguyễn Văn Cung	06006/41%	3,667,000			3,667,000
24	Phạm Đức Miên	05518/41%	3,667,000			3,667,000
25	Trần Văn Sơn	0829/41%	3,667,000			3,667,000
26	Lê Văn Tám	05684/41%	3,667,000			3,667,000

27	Võ Thị Xuân	05651/41%	3,667,000			3,667,000
28	Nguyễn Văn Thế	07169/41%	3,667,000			3,667,000
29	Nguyễn Văn Giữ	00/45%	4,024,000			4,024,000
30	Huỳnh Thị Nga	07750/45%	4,024,000			4,024,000
31	Nguyễn Văn Xì	0991/45%	4,024,000			4,024,000
32	Trần Minh Luân	07480/47%	4,200,000			4,200,000
33	Nguyễn Văn Cây	9347/47%	4,200,000			4,200,000
34	Huỳnh Văn Em	1020/31%	2,770,000			2,770,000
35	Đặng Văn Thích	07189/51%	4,561,000			4,561,000
36	Lâm Hữu Trí	07791/36%	3,217,000			3,217,000
37	Trịnh Văn Thọ	07209/41%	3,667,000			3,667,000
38	Đặng Thành Tâm	07207/43%	3,839,000			3,839,000
39	Nguyễn Hồng Qùy	2350/43%	3,839,000			3,839,000
40	Trần Thanh Hùng	02541/56%	5,009,000			5,009,000
41	Huỳnh Lan Anh	03185/48%	4,289,000			4,289,000
42	Đỗ Văn Đen	04007/51%	4,561,000			4,561,000
43	Trương Công Bửu	0553/41%	3,667,000			3,667,000
44	Trịnh Thị Hoa	07988/41%	3,667,000			3,667,000
45	Trần Thị Nga	07075/41%	3,667,000			3,667,000
46	Đỗ Hải Yến	2115/21%	1,878,000			1,878,000
47	Huỳnh Căn	8310/21%	1,878,000			1,878,000
48	Tô Văn Tổng	04255/21%	1,878,000			1,878,000
49	Võ Minh Thành	3138/31%	2,770,000			2,770,000
50	Võ Kế Nghiệp	05316/31%	2,770,000			2,770,000
51	Đặng Văn Nhiều	0552/31%	2,770,000			2,770,000
52	Huỳnh Văn Buôi	07878/27%	2,411,000			2,411,000
53	Nguyễn Thanh Bình	0267/21%	1,878,000			1,878,000
54	Nguyễn Văn Minh	06424/26%	2,323,000			2,323,000
55	Nguyễn Văn Quý	0942/25%	2,236,000			2,236,000
56	Hồ Ngọc Thạch	01482/23%	2,053,000			2,053,000
57	Trần Văn Dũng	062413/21%	1,878,000			1,878,000
58	Huỳnh Ngọc Tám	00/21%	1,878,000			1,878,000
59	Vi Đức Trạch	04513/21%	1,878,000			1,878,000
60	Huỳnh Minh Trí	0840/21%	1,878,000			1,878,000
61	Nhan Thị Sở	00/21%	1,878,000			1,878,000

62	Bùi Văn Thả	05685/21%	1,878,000			1,878,000
63	Trần Văn Ẩn	0831/21%	1,878,000			1,878,000
64	Quăng Trọng Sách	00/21%	1,878,000			1,878,000
65	Nguyễn Văn Me	04081/21%	1,878,000			1,878,000
66	Trần Văn Vọng	075/25%	2,236,000			2,236,000
67	Trần Văn Lực	04300/31%	2,770,000			2,770,000
68	Bùi Văn Ngày	05674/31%	2,770,000			2,770,000
69	Ngô Văn Hiền	07080/41%	3,667,000			3,667,000
70	Lê Thanh Hiệp	03184/35%	3,132,000			3,132,000
71	Nguyễn Phú Mừng	02851/35%	3,132,000			3,132,000
72	Huỳnh Văn Út	01170/51%	4,561,000			4,561,000
73	Thái Văn Đức	04407/45%	4,024,000			4,024,000
74	Nguyễn Văn Sơn	01341/45%	4,024,000			4,024,000
75	Văn Thành Hội	02140/41%	3,667,000			3,667,000
76	Võ Văn Chính	07198/55%	4,918,000			4,918,000
77	Nguyễn Thành Công	9376/41%	3,667,000			3,667,000
Tb Suy Giảm Knld Từ 61-80%			33,867,000		0	33,867,000
1	Châu Minh Hùng	02709/62%	5,545,000			5,545,000
2	La Văn Đúa	00/71%	6,343,000			6,343,000
3	Lê Văn Tiêm	00/61%	5,450,000			5,450,000
4	Lâm Hoàng Muôn	550/61%	5,450,000			5,450,000
5	Đoàn Việt Lâm	01661/63%	5,629,000			5,629,000
6	Mai Văn Đẹp	04086/61%	5,450,000			5,450,000
Bb Suy Giảm Knld Từ 61-70%			23,110,000		0	23,110,000
1	Trần Văn Đồng	0284/61%	4,622,000			4,622,000
2	Thái Thị Lệ	0122/61%	4,622,000			4,622,000
3	Nguyễn Bình Tuy	0287/61%	4,622,000			4,622,000
4	Lâm Thị Hoa	0118/61%	4,622,000			4,622,000
5	Nguyễn Văn Rô	0277/61%	4,622,000			4,622,000
TB B suy giảm KNLD từ 21-60%			1,848,000		0	1,848,000
1	Lê Văn Út	3016/25%	1,848,000			1,848,000
Tuất 1 liệt sỹ			117,138,000		0	117,138,000
1	Huỳnh Thị Bông	03117	2,789,000			2,789,000
2	Trần Văn Cảnh	01579	2,789,000			2,789,000
3	Phan Thị Chắt	06821	2,789,000			2,789,000

4	Cao Thị Hai	01598	2,789,000			2,789,000
5	Võ Thị Xuân	0124	2,789,000			2,789,000
6	Nguyễn Thị Hiếu	010192	2,789,000			2,789,000
7	Nguyễn Thị Khến	03129	2,789,000			2,789,000
8	Trịnh Thị Năm	03126	2,789,000			2,789,000
9	Lê Thị Nguyệt	013733	2,789,000			2,789,000
10	Trần Thị Nhanh	04371	2,789,000			2,789,000
11	Trần Thị Viễn	011942	2,789,000			2,789,000
12	Trần Thị Ba	03471	2,789,000			2,789,000
13	Trần Thị Bảy	01629	2,789,000			2,789,000
14	Phạm Thị Bé	010498	2,789,000			2,789,000
15	Nguyeân Thò Chao	012594	2,789,000			2,789,000
16	Nguyễn Thị Tám	011527	2,789,000			2,789,000
17	Nguyễn Thị Thiệt	010510	2,789,000			2,789,000
18	Phan Thị Ngọt	013512	2,789,000			2,789,000
19	Huỳnh Thị Vui	05369	2,789,000			2,789,000
20	Nguyễn Thị Xĩa	03116	2,789,000			2,789,000
21	Huỳnh Thị Đây	14548	2,789,000			2,789,000
22	Thị Hiền	15178	2,789,000			2,789,000
23	Đinh Thị Năm	14604	2,789,000			2,789,000
24	Đặng Thị Ngói	7388	2,789,000			2,789,000
25	Nguyễn Thị Hoa	11256	2,789,000			2,789,000
26	Trần Thị Bảy	08800	2,789,000			2,789,000
27	Dương Thị Bảy	03642	2,789,000			2,789,000
28	Nguyễn Thị Bảy	011674	2,789,000			2,789,000
29	Huỳnh Thị Chích	4405	2,789,000			2,789,000
30	Đào Thị Thơi	011664	2,789,000			2,789,000
31	Trần Thị Tốt	00	2,789,000			2,789,000
32	Nguyễn Thị Nguyên	015313	2,789,000			2,789,000
33	Lâm Thị Chánh	05915	2,789,000			2,789,000
34	Lê Thị Hoài	03476	2,789,000			2,789,000
35	Lư Thị Thó	01591	2,789,000			2,789,000
36	Nguyễn Thị Chanh	04421	2,789,000			2,789,000
37	Trần Thị Chính	013619	2,789,000			2,789,000
38	Lê Thị Bé	03123	2,789,000			2,789,000

39	Phạm Thị Bồng	012244	2,789,000			2,789,000
40	Trần Thị Tiến	03662	2,789,000			2,789,000
41	Nguyễn Thị Tư	01662	2,789,000			2,789,000
42	Trần Thị Yến	02976	2,789,000			2,789,000
Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND			5,020,000		0	5,020,000
1	Phan Văn Khoắc	03127	5,020,000			5,020,000
Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB			3,130,000		0	3,130,000
1	Cao Thị Tâm	2416	1,565,000			1,565,000
2	Mai Thị Phượng	549	1,565,000			1,565,000
Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB			1,565,000		0	1,565,000
1	Đặng Thị Nhung	2101	1,565,000			1,565,000
NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCB			29,502,000		0	29,502,000
1	Lê Thị Tám	06309	1,639,000			1,639,000
2	Đỗ Thị Hai	06308	1,639,000			1,639,000
3	Nguyễn Thị Châm	01885	1,639,000			1,639,000
4	Huỳnh Thị Vốn	01879	1,639,000			1,639,000
5	Nguyễn Thị Dự	01874	1,639,000			1,639,000
6	Nguyễn Thị Bảy	7107	1,639,000			1,639,000
7	Lý Húng	7103	1,639,000			1,639,000
8	Võ Thị Xinh (xuân)	7821	1,639,000			1,639,000
9	Phạm Thị Do	00	1,639,000			1,639,000
10	Nguyễn Thị Thảo	06286	1,639,000			1,639,000
11	Lê Thị Mai	06288	1,639,000			1,639,000
12	Võ Thị Nở	06285	1,639,000			1,639,000
13	Trần Thị Tốt	02009	1,639,000			1,639,000
14	Đặng Thị Chín	01990	1,639,000			1,639,000
15	Trần Thị Ngoạt	01979	1,639,000			1,639,000
16	Nguyễn Thị Tư	01892	1,639,000			1,639,000
17	Phạm Thị Sáu	06294	1,639,000			1,639,000
18	Trần Thị Cẩm Vân	8184	1,639,000			1,639,000
Bị Mắc Bệnh Suy Giảm Knld Từ 21% - 40%			14,840,000		0	14,840,000

1	Thái Thị Lệ	1999	2,120,000			2,120,000
2	Huỳnh Thị Nga	1967	2,120,000			2,120,000
3	Nguyễn Thanh Hồng	1978	2,120,000			2,120,000
4	Phạm Văn Hoà	2220	2,120,000			2,120,000
5	Trần Thị Yến	2060	2,120,000			2,120,000
6	Ngô Văn Hiền	2207	2,120,000			2,120,000
7	Nguyễn Văn Me	2249	2,120,000			2,120,000
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%			3,542,000		0	3,542,000
1	Lê Văn Thọ	1017	3,542,000			3,542,000
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%			3,346,000		0	3,346,000
1	Lê Hoàng Dư	00	1,673,000			1,673,000
2	Lê Thị Năng	00	1,673,000			1,673,000
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên			5,578,000		0	5,578,000
1	Lê Thị Bé Sáu	00	2,789,000			2,789,000
2	Nguyễn Thị Út Em	1786	2,789,000			2,789,000
Công an xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT			2,627,000		0	2,627,000
1	Trần Văn Hồng	53/14	2,627,000			2,627,000
Công an xuất ngũ từ 17 đến dưới 18 năm CT			2,862,000		0	2,862,000
1	Huỳnh Công Tấn	53/09	2,862,000			2,862,000
Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày			5,019,000		0	5,019,000
1	Đặng Văn Thích	790	1,673,000			1,673,000
2	Lý Tuyết Minh	87	1,673,000			1,673,000
3	Huỳnh Thanh Mừng	839	1,673,000			1,673,000